ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HƯNG HÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1593/QĐ-UBND	*Hưng Hà, ngày 05 tháng 12 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá đất cụ thể và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên
Địa điểm: thôn Phú Khu, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình: Số 29/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2027 ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Số 33/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 ban hành Quy định một số chính

sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng yên quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Văn bản số 165/UBND-NC ngày 14/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình sau ngày 01/7/2025;

Căn cứ Văn bản số 289/SNNMT-ĐKCGCN&GĐ ngày 22/07/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 16/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 66/TB-HĐTĐGĐCT ngày 28/11/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Hưng Hà về kết quả thẩm định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên tại xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên.

Theo đề nghị của Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà tại Tờ trình số 54/TTr-CNPTQĐKVHH ngày 03/12/2025 và phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 104/TTr-PKT ngày 05/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên, địa điểm thôn Phú Khu, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên bao gồm:

1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân: Đất trồng cây hằng năm (Đất trồng lúa) là 50.000 đồng/m^2.

2. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 8.775,6m^2. Trong đó:

- Đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân: 7.257,6m^2;

- Đất công ích UBND xã quản lý: 120,5m^2;

- Đất giao thông, đất thủy lợi: 1.397,5m^2.

b. Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 20 hộ gia đình, cá nhân.

c. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 2.054.487.750 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất trồng lúa: 368.905.000 đồng;

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 1.270.080.000 đồng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 27.540.000 đồng;

- Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất: 72.576.000 đồng;

- Thưởng đối với các hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng trước thời hạn: 217.554.000 đồng;

- Kinh phí tổ chức thực hiện công tác GPMB: 97.832.750 đồng.

3. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (*Có biểu Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết kèm theo*).

4. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà có trách nhiệm phối hợp với các phòng, đơn vị của UBND xã Hưng Hà, Cơ sở thôn Phú Khu thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tiền gửi của Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo lãi suất không kỳ hạn.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà, Cơ sở thôn Phú Khu niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã Hưng Hà và tại nơi sinh hoạt chung của thôn Phú Khu; trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý hoặc không hợp tác thì phối hợp với Chi nhánh

phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Hưng Hà và các đơn vị có liên quan vận động, thuyết phục người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng theo quy định.

2. Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà có trách nhiệm phối hợp với phòng Kinh tế xã, Cơ sở thôn Phú Khu niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã Hưng Hà và tại nơi sinh hoạt chung của thôn Phú Khu. Đồng thời gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế xã, Chủ đầu tư thực hiện chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Pháp luật.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà nhận đầy đủ số tiền theo phương án được phê duyệt, bàn giao mặt bằng cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Hưng Hà, Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan, Cơ sở thôn Phú Khu, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HƯNG HÀ T.HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Trường

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN

Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Thành phố Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên

Địa điểm: thôn Phú Khu - xã Hưng Hà - tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hưng Hà)

Stt	Họ và tên chủ sử dụng (Đại diện Hộ gia đình, Cá nhân)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Phương án bồi thường, hỗ trợ đất							Phương án hỗ trợ						Bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, con vật nuôi trên đất (đồng)	Cơ chế thưởng đối với hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng trước thời hạn (30.000đồng/m^2)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
					Diện tích hiện trạng thửa đất thu hồi (m^2)	Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích đề nghị thu hồi diện tích còn lại (m^2)	Diện tích không được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường đất cho hộ gia đình, cá nhân và hỗ trợ đất công ích của UBND xã (50.000đồng/m^2)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (50.000đồng/m^2 * 3,5 = 175.000đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất				Tổng số tiền hỗ trợ (đồng)			
													Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Số khẩu * Số tháng * 30kg * 17.000đồng)				
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*H*	*I*	*J*	*K*	*L=G*50.000đ/m^2*	*M=L*3,5*	*N*	*O*	*P*	*Q=O*P*30kg*17.000đ*	*R=M+Q*	*S*	*T*	*U=L+R+S+T*
1	Ông Bùi Duy Bản - Bà Nguyễn Thúy Oanh	Phú Khu	118	1	751,0	737,0	737,0	-	-	LUC	36.850.000	128.975.000	23,39	-	-	-	128.975.000	7.370.000	22.110.000	195.305.000
2	Ông Bùi Duy Thinh - Bà Vũ Thị Quyết Đồng	Phú Khu	118	2	332,0	332,0	326,2	5,8	-	LUC	16.600.000	58.100.000	26,99	-	-	-	58.100.000	3.320.000	9.786.000	87.806.000
3	Bà Đinh Thị Cánh	Phú Khu	118	567	640,0	529,4	529,4	-	-	LUC	26.470.000	92.645.000	21,9	-	-	-	92.645.000	5.294.000	15.882.000	140.291.000
4	Ông Bùi Thế Ngữ - Bà Trương Thị Vân	Phú Khu	118	3	680,0	460,7	460,7	-	-	LUC	23.035.000	80.622.500	18,09	-	-	-	80.622.500	4.607.000	13.821.000	122.085.500
5	Ông Đinh Văn Cảnh - Bà Bùi Thị Tính	Phú Khu	118	4	2.339,6	340,7	340,7	-	-	LUC	17.035.000	59.622.500	11,78	-	-	-	59.622.500	3.407.000	10.221.000	90.285.500
6	Ông Đinh Văn Quyết - Bà Bùi Thị Chín	Phú Khu	118	5	745,0	434,5	434,5	-	-	LUC	21.725.000	76.037.500	17,98	-	-	-	76.037.500	4.345.000	13.035.000	115.142.500
7	Ông Bùi Văn Thái - Bà Bùi Thị Điền	Phú Khu	118	10	591,3	237,7	237,7	-	-	LUC	11.885.000	41.597.500	19,67	-	-	-	41.597.500	2.377.000	7.131.000	62.990.500
8	Ông Bùi Thế Liễn - Bà Nguyễn Thị Thúy	Phú Khu	118	12	646,0	116,5	116,5	-	-	LUC	5.825.000	20.387.500	4,58	-	-	-	20.387.500	1.165.000	3.495.000	30.872.500
9	Bà Bùi Thị Thịnh	Phú Khu	118	13	901,0	401,7	401,7	-	-	LUC	20.085.000	70.297.500	15,78	-	-	-	70.297.500	4.017.000	12.051.000	106.450.500
10	Ông Bùi Ngọc Tâm - Bà Đinh Thị Loan	Phú Khu	118	14	461,0	156,1	156,1	-	-	LUC	7.805.000	27.317.500	11,67	-	-	-	27.317.500	1.561.000	4.683.000	41.366.500
11	Bà Bùi Thị Thủy (Phức)	Phú Khu	118	15	573,0	285,4	285,4	-	-	LUC	14.270.000	49.945.000	15,74	-	-	-	49.945.000	2.854.000	8.562.000	75.631.000
12	Ông Bùi Duy Mạnh - Bà Bùi Thị Nhu	Phú Khu	118	17	619,2	231,5	231,5	-	-	LUC	11.575.000	40.512.500	12,77	-	-	-	40.512.500	2.315.000	6.945.000	61.347.500
13	Ông Bùi Thế Thanh - Bà Bùi Thị Kim Thoa	Phú Khu	118	18	591,0	304,4	304,4	-	-	LUC	15.220.000	53.270.000	16,79	-	-	-	53.270.000	3.044.000	9.132.000	80.666.000
14	Ông Bùi Duy Quang - Bà Vũ Thị Phong	Phú Khu	118	20	885,6	372,0	372,0	-	-	LUC	18.600.000	65.100.000	19,17	-	-	-	65.100.000	3.720.000	11.160.000	98.580.000
15	Bà Bùi Thị Nhung	Phú Khu	118	27	855,4	80,1	80,1	-	-	LUC	4.005.000	14.017.500	3,31	-	-	-	14.017.500	801.000	2.403.000	21.226.500
16	Ông Đinh Văn Bảo - Bà Bùi Thị Tuyến	Phú Khu	118	31	791,0	439,5	439,5	-	-	LUC	21.975.000	76.912.500	14,55	-	-	-	76.912.500	4.395.000	13.185.000	116.467.500
17	Ông Bùi Thế Bốn - Bà Phạm Thị Đến	Phú Khu	118	42	2.342,8	1.118,2	1.118,2	-	-	LUC	55.910.000	195.685.000	46,26	5	6	15.300.000	210.985.000	11.182.000	33.546.000	311.623.000
18	Ông Phạm Bá Thanh - Bà Bùi Thị Đạm	Phú Khu	118	53	502,6	248,2	248,2	-	-	LUC	12.410.000	43.435.000	18,55	-	-	-	43.435.000	2.482.000	7.446.000	65.773.000
19	Bà Nguyễn Thị Tính	Phú Khu	118	65	556,8	424,0	424,0	-	-	LUC	21.200.000	74.200.000	70,16	2	12	12.240.000	86.440.000	4.240.000	12.720.000	124.600.000
20	Ông Mai Văn Vi - Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh	Phú Khu	118	76	816,8	8,0	8,0	-	-	LUC	400.000	1.400.000	0,66	-	-	-	1.400.000	80.000	240.000	2.120.000
21	UBND xã Hưng Hà	Phú Khu	118	1	751,0	14,0	14,0	-	-	LUC	700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	700.000
				65	556,8	106,5	106,5	-	-	LUC	5.325.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.325.000
				3001	145,5	-	-	-	145,5	DGT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Họ và tên chủ sử dụng (Đại diện Hộ gia đình, Cá nhân)	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Diện tích hiện trạng thửa đất thu hồi (m^2)	Phương án bồi thường, hỗ trợ đất						Phương án hỗ trợ						Bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, con vật nuôi trên đất (đồng)	Cơ chế thưởng đối với hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng trước thời hạn (30.000đồng/m^2)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
						Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích đề nghị thu hồi diện tích còn lại (m^2)	Diện tích không được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường đất cho hộ gia đình, cá nhân và hỗ trợ đất công ích của UBND xã (50.000đồng/m^2)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (50.000đồng/m^2 * 3,5 = 175.000đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất				Tổng số tiền hỗ trợ (đồng)			
													Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Số khẩu * Số tháng * 30kg * 17.000đồng)				
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*H*	*I*	*J*	*K*	*L=G*50.000đ/m^2*	*M=L*3,5*	*N*	*O*	*P*	*Q=O*P*30kg*17.000đ*	*R=M+Q*	*S*	*T*	*U=L+R+S+T*
21	UBND xã Hưng Hà	Phú Khu	118	3002	630,0	-	-	-	630,0	DGT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
				4001	612,5	-	-	-	612,5	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
				4002	9,5	-	-	-	9,5	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng				-	-	**7.378,1**	**7.372,3**	**5,8**	**1.397,5**	-	**368.905.000**	**1.270.080.000**	-	-	-	**27.540.000**	**1.297.620.000**	**72.576.000**	**217.554.000**	**1.956.655.000**
Kinh phí tổ chức thực hiện công tác GPMB				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**97.832.750**
Tổng cộng				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.054.487.750**
Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng.																				